



Dữ liệu thị trường ngày 14/08/2026

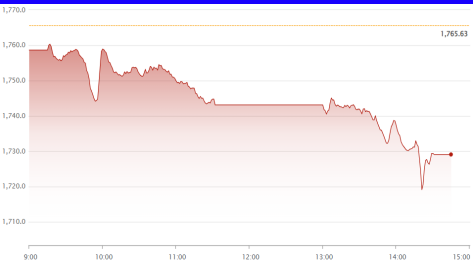
Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
-----------	----------	-----------

Chỉ số	1.729,08	279,99
Thay đổi (điểm)	-36,55	-3,35
Thay đổi (%)	-2,07	-1,18
KLGD (triệu cp)	738	59
GTGD (tỷ đồng)	19.394	964

NĐT nước ngoài giao dịch ròng

HOSE	-878	(tỷ đồng)
HNX	10	(tỷ đồng)
UPCOM	13	(tỷ đồng)

VN-Index



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

TCB, DXG, PNJ, SBT,...

Ảnh hưởng tiêu cực:

VIC, VHM, VCB, GVR,...

ÁP LỰC BÁN GIA TĂNG - VNINDEX TIẾP ĐÀ ĐIỀU CHỈNH

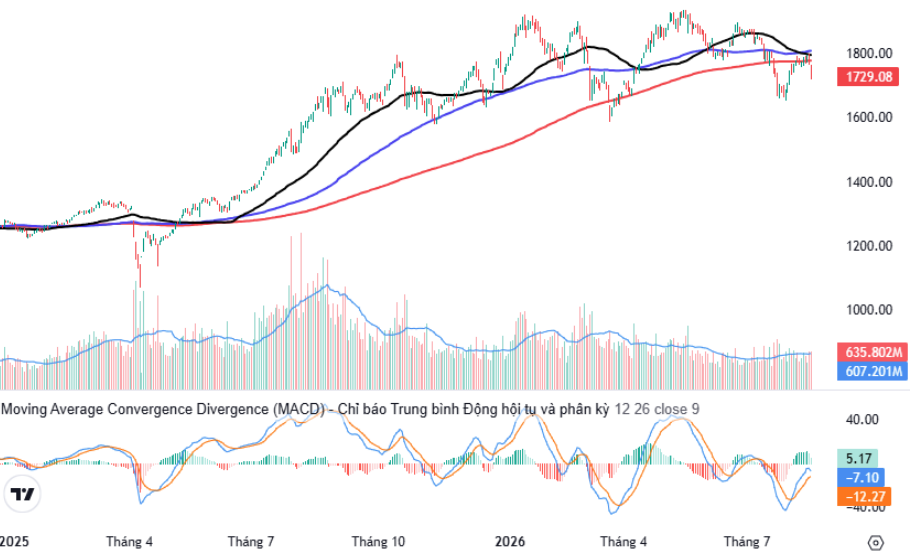
Chuyển động thị trường và dự báo:

Kết thúc phiên giao dịch ngày 14/08, chỉ số VN-Index giảm 36,55 điểm (-2,07%) và đóng cửa ở mức 1.729,08 điểm với sắc đỏ bao phủ toàn bộ các nhóm ngành. Độ rộng thị trường nghiêng về phe bán khi có tới 542 mã giảm giá, nhiều gấp 2,5 lần số lượng mã tăng. Nhóm VN30 phát tín hiệu tiêu cực khi có tới 28/30 mã cổ phiếu giảm, tạo hiệu ứng tâm lý tiêu cực đến thị trường. Nhóm bất động sản (-3,06%) tiếp đà điều chỉnh với quy mô rộng hơn so với phiên trước, tập trung bán mạnh ở VHM (-5,01%), BCM (-5,38%), VIC (-3,61%). Bên cạnh đó, ngành tiêu dùng không thiết yếu cũng tiêu cực không kém khi hiệu suất ngành giảm 2,04%, tiêu biểu là các cổ phiếu đầu ngành như VPL (-3,25%), FRT (-2,72%), MWG (-1,63%). Ngoài ra, áp lực bán còn nhanh chóng lan sang các mã cổ phiếu như GVR (-4,44%), HPG (-2,07%), CTG (-2,18%), VIX (-3,24%),... thuộc nhóm nguyên vật liệu (-1,98%) và tài chính (-1,4%).

Thanh khoản toàn thị trường đạt 19.394 tỷ đồng, tăng 3,91% so với phiên trước cho thấy hoạt động chốt lời đang tiếp diễn. Khối ngoại mở rộng quy mô bán ròng với tổng giá trị bán ròng đạt 855 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở các mã cổ phiếu như VIC (480 tỷ đồng), VHM (185 tỷ đồng), SHB (100 tỷ đồng). Trái lại, các mã cổ phiếu được mua vào mạnh nhất là TCB (90 tỷ đồng), GEX (62 tỷ đồng) và PNJ (44 tỷ đồng).

Hiện tại, chỉ số VN-Index đang vận động theo kịch bản thận trọng đã được đề cập trong **Chiến lược giao dịch tuần 32-2026** ([Chi tiết tại đây](#)). Nhà đầu tư cần tập trung danh mục, chú ý theo dõi yếu tố cung - cầu của thị trường quanh ngưỡng 1.700 điểm trong các phiên tới, nhất là phiên đảo hạm phái sinh diễn ra vào thứ 5 tuần sau.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: BMP, SAB, HDB, BSR, VSC, HHV.



Danh sách khuyến nghị tháng 08.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	80.000	69.700
CTG	36.000	31.300
POW	15.200	13.000
SSI	27.800	23.700
VPB	28.200	24.600
GMD	86.000	74.000
MBB	27.000	23.200
BMP	163.500	142.000

Danh sách công bố ngày 10/08/2026, VikkibankS.vn



VikkiBankS
(028) 7100 0001
vikkibanks.vn
cskh@vikkibanks.vn

Hotline
1900 2273

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THÁNG 06.2026:

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Vùng mua	Mục tiêu	Cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ suất sinh lời	Trạng thái
NT2	22/07/2026	~21.500	~22.500-24.000	<20.500			-1,40%	Nắm giữ
GMD	03/07/2026	~74.000	~82.000-87.000	<68.000	82.000	10/08/2026	+10,81%	Chốt lãi
NLG	17/6/2026	~27.600	~32.000-35.000	<24.500	23.700	20/07/2026	-14,13%	Cắt lỗ
DXG	16/6/2026	~13.150	~15.000-16.000	<11.000	11.350	20/07/2026	-13,69%	Cắt lỗ
GEX	12/6/2026	~30.500	~36.000-45.000	<27.000	26.000	13/07/2026	-14,75%	Cắt lỗ
SAB(*)	11/6/2026	~45.750	~49.000-54.000	<42.000			-0,98%	Nắm giữ
VCK	9/6/2026	~33.500	~35.000-38.000	<31.5000	31.250	17/07/2026	-6,72%	Cắt lỗ
VJC(**)	5/6/2026	~133,850	~142.310-169.230	<111.540			-7,96%	Nắm giữ
MWG	4/6/2026	~75.000-78.500	~85.000-95.000	<74.000	70.600	22/07/2026	-9,72%	Cắt lỗ

Lưu ý: Trạng thái và Giá bán (nếu có) sẽ được cập nhật hàng ngày tại Bản tin thị trường hàng ngày.

(*): Các giá đã được điều chỉnh theo thông tin SAB chia cổ tức bằng tiền đợt 2/2025, 3000 đồng/Cổ phiếu.

(**): Các giá đã được điều chỉnh theo thông tin VJC chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:30.

- GMD đạt Target 1 ~82.000 được đề cập trong **TECHNICAL REPORT - CTCP Tập đoàn Gemadept (HOSE: GMD)** ([Chi tiết tại đây](#))

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 08.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	- KQKD Q2.2026, Doanh thu tăng 30% YoY, LNST tăng 100% YoY. Lũy kế 6T2026, Doanh thu tăng 29% YoY và LNST tăng 88% YoY. Biên lợi nhuận ròng tiếp tục cải thiện, Q2.2026 6,8%, Q1.2026 5,8% và Q2 2025 đạt 4,4%. Quý 2, Doanh thu DMX tăng 26% YoY (Q1 +33% YoY) nhờ tăng trưởng doanh thu/cửa hàng, LNST tăng 20% QoQ và 98% YoY. Quý 2, BHX doanh thu tăng 16% QoQ và 31% YoY nhờ doanh thu/cửa hàng cải thiện, mở 632 cửa hàng trong 6T.2026 và biên lãi tăng.	10/08/2026	73.000	80.000	69.700	9,6%
CTG	- KQKD Q2.2026, LNTT 14,7 nghìn tỷ, tăng 22% YoY, nhờ NIM và thu nhập phí cải thiện. Tăng trưởng tín dụng 6T 5% và tăng trưởng huy động 5,4% so với đầu năm, thu nhập ngoài lãi tăng 58% YoY. Nợ xấu Q2 tăng nhẹ lên 1,2%.	10/08/2026	32.800	36.000	31.300	9,8%
POW	- KQKD Q2.2026, Doanh thu tăng 116% YoY, LNST hợp nhất tăng 387% YoY. Quý 2, Sản lượng tăng 30% QoQ, tăng 56% YoY, giá điện CGM tăng 64% YoY, đóng góp nhờ nhà máy NT3&4. Ngoài ra, POW còn ghi nhận các khoản hồi tố 2.475 tỷ đồng, gồm chênh lệch tỷ giá nhà máy Vũng Áng 1, chênh lệch tiền điện giá khí Cà Mau 1+2, chi phí O&M tại các nhà máy.	10/08/2026	13.850	15.200	13.000	9,7%
SSI	- KQKD 6T2026, doanh thu 6,5 nghìn tỷ đồng (+26% YoY) và LNTT 3,1 nghìn tỷ đồng (+39% YoY). Động lực chính đến từ đầu tư FVTPL, với lợi suất 8%, nhờ danh mục thiên về tài sản thu nhập cố định. Doanh thu margin tăng 47%, dư nợ đạt 40,5 nghìn tỷ đồng, biên lãi chịu áp lực do chi phí vốn tăng. Doanh thu môi giới tăng 35% nhờ thị phần cải thiện lên 10,6%.	10/08/2026	25.100	27.800	23.700	10,8%
VPB	- KQKD Q2, LNTT 11 nghìn tỷ, tăng 38,6% QoQ và tăng 77% YoY. KQKD tích cực nhờ đóng góp của VPX (VPBS) lợi nhuận Q2 tăng 319% QoQ và 293% YoY, đạt 2.158 tỷ đồng. Tín dụng tăng 24,6% và huy động (bao gồm giấy tờ có giá) tăng 22,7% so với đầu năm. Nợ xấu hợp nhất 3,28% (Q1.2026: 3,58%, Q2.2025: 3,7%), bao phủ nợ xấu cải thiện đạt 56,2%.	10/08/2026	25.850	28.200	24.600	9,1%
GMD	- KQKD Q2, Doanh thu tăng 18% YoY và LNST tăng 168% YoY. Trong đó, LNST cốt lõi đạt 646 tỷ đồng, +55% YoY và thu nhập bất thường 487 tỷ đồng từ thoái vốn CJ Gemadept. Doanh thu Cảng Q2 1.468 tỷ đồng (+14% QoQ, +12% YoY). Doanh thu logistics Q2 294 tỷ (+73% QoQ, +59% YoY). Sản lượng Gemalink Q2 tăng 10% QoQ và 26% YoY, đạt 577.000 Teus.	10/08/2026	78.200	86.000	74.000	10,0%
MBB	- KQKD Q2, LNTT đạt 10,6 nghìn tỷ (+40% YoY). Tăng trưởng tín dụng 13,2%, tổng huy động +8% YTD (bao gồm giấy tờ có giá). NIM cải thiện (+0,35% so với quý 1), nợ xấu 1,45% so với 1,48% Q1, bao phủ nợ xấu 93,6% so với 95% Q1.	10/08/2026	24.250	27.000	23.200	11,3%
BMP	- KQKD Q2, Doanh thu -9% QoQ và +1% YoY. LNST +21% QoQ và +11% YoY, nhờ giá bán ống PVC tăng 15% từ tháng 4. Sản lượng Q2 giảm do giảm chiết khấu và khách hàng trì hoãn mua. BMP đã tích lũy lượng lớn tồn kho khi giá PVC giảm.	10/08/2026	148.800	163.500	142.000	9,9%

***Danh mục T08.2026 so với T07.2026, chúng tôi loại PVD, PHR, trong khi thêm mới BMP, POW và giữ nguyên MWG, CTG, MBB, VPB, SSI, GMD.** Bức tranh KQKD Q2 toàn thị trường và diễn biến giá cổ phiếu trong tháng 7 trái ngược nhau. LNST toàn thị trường Q2 tăng 41% YoY, nhóm Tài chính +24% YoY và nhóm Phi tài chính +57% YoY, trong khi Vnindex tháng 7 giảm 6,7%, áp lực bán ròng từ khối ngoại, lãi suất cao là hai trong nhiều yếu tố tác động thị trường. Chúng tôi loại PVD và PHR, dù kết quả kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp cho thấy sự tích cực trong Q2, nhưng động lượng giá cổ phiếu đã chậm hơn kỳ vọng. Thay thế hai cổ phiếu này là BMP và POW, đây là những doanh nghiệp có lợi thế riêng để tiếp tục duy trì tăng trưởng. Đối với BMP, kỳ vọng sản lượng Q3 tích cực hơn khi giá hạt nhựa PVC hạ nhiệt, BMP có thể áp dụng chính sách chiết khấu để thúc đẩy bán hàng, và nhu cầu xây dựng nhiều hơn vào cuối năm. Trong khi POW hưởng lợi nhờ điều kiện thời tiết ElNino cuối năm, sản lượng từ NT34 và nhu cầu huy động nhiệt điện tăng theo GDP nền kinh tế + giá CGM cao. Hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu được hỗ trợ bởi nhóm doanh nghiệp FDI sôi động, kéo theo nhu cầu lưu thông hàng hóa, và đó cũng là cơ sở để GMD tiếp tục là lựa chọn nhờ những lợi thế dẫn đầu ngành cảng biển, hiệu suất hoạt động cao, chuỗi giá trị toàn diện Cảng - Logistics. Đối với SSI, vị thế dẫn đầu ngành, câu chuyện nâng hạng thị trường và SSI cũng là đơn vị tiên phong trong việc triển khai các hoạt động toàn cầu (Global Broker) là những yếu tố cho sự kỳ vọng hồi phục cùng thị trường chứng khoán. Nhóm 3 ngân hàng CTG, MBB, VPB là 3 cổ phiếu chúng tôi ưa thích trong nhóm bank, CTG cho thấy là ngân hàng sẽ sớm dẫn đầu ngành khi Thu nhập lãi thuần Q2 đã vượt qua VCB. Với MBB, sự toàn diện nhờ hệ sinh thái, tỷ lệ CASA cao, hoạt động kinh doanh bao phủ đến những trụ cột gần đây như FDI, nộp thuế điện tử giúp cho MBB như là sự lựa chọn cân bằng giữa tăng trưởng và rủi ro, giữa CTG và VPB. Trong khi bất động sản, tiêu dùng và bán lẻ là những trụ cột chính của VPB, chúng tôi cho rằng ở một khẩu vị rủi ro cao hơn nhưng tăng trưởng mạnh hơn là điều nói về VPB, ngân hàng này cũng có xu hướng mạnh hơn khi nền kinh tế vào giai đoạn tăng tốc. Và cuối cùng, MWG tiếp tục là lựa chọn từ T5.2025, hoạt động IPO của ĐMX vừa qua giúp MWG có thêm nguồn vốn để mở rộng kinh doanh, bên cạnh các chuỗi hoạt động hiệu quả, gần đây chuỗi An Khang đã có lợi nhuận dương. Những yếu tố chính chi phối tâm lý đầu tư hiện nay gồm (1) giải ngân đầu tư công, (2) dòng vốn FDI, (3) lạm phát, (4) sản xuất, (5) cán cân thương mại, (6) chính sách điều hành của NHNN, (7) tỷ giá, (8) lãi suất, (9) khung pháp lý, (10) khối ngoại bán ròng. Chúng tôi cho rằng, xu hướng về cuối năm, 10 yếu tố này theo hướng cải thiện. FDI, sản xuất tiếp tục tích cực và kỳ vọng xuất khẩu mạnh hơn giúp cán cân thương mại giảm bớt thâm hụt, giải ngân đầu tư công đã tăng tốc trong T7 dù cần mạnh hơn, lạm phát hạ nhiệt cùng giá năng lượng; các chính sách điều hành của NHNN nhằm tăng thanh khoản gần đây giúp hạ nhiệt lãi suất dù nền năm nay vẫn cao, tỷ giá ổn định so với đầu năm giúp NHNN có thêm dư địa chính sách, câu chuyện nâng hạng cải thiện áp lực khối ngoại bán ròng, và đã có 23 Nghị quyết từ TW đã được ban hành 2025-2026. Thị trường chứng khoán đang ở giai đoạn xây nền 2025-2026, cho tăng trưởng dài hạn!

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

CPI Mỹ tháng 7 hạ nhiệt, với CPI toàn phần tăng 3,4% và CPI lõi 2,5% so với cùng kỳ; mức tăng theo tháng lần lượt 0,1% và 0,2%, đều đúng dự báo. Giá xăng giảm 2,9% trong tháng giúp kiềm chế lạm phát, trong khi áp lực từ nhà ở, bảo hiểm và các chi phí lõi vẫn dai dẳng. Dữ liệu mới làm giảm áp lực buộc Fed tăng lãi suất trong tháng 9, nhất là khi thị trường lao động có dấu hiệu yếu đi. Thị trường hiện nghiêng về khả năng Fed giữ lãi suất 3,5–3,75% trong tháng 9 và điều chỉnh vào tháng 10 hoặc 12.

VBB: VietBank (VBB) triển khai đợt 2 tăng vốn năm 2026, dự kiến phát hành hơn 296 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 25%, thu về gần 2.961 tỷ đồng. Vốn điều lệ dự kiến tăng từ 11.846 lên 14.807 tỷ đồng. Nguồn vốn sẽ bổ sung cho vay khách hàng cá nhân, SME và doanh nghiệp lớn. Cổ phiếu phát hành thêm dự kiến niêm yết bổ sung trong quý 1/2027.

MWG: MWG ghi nhận doanh thu 7 tháng 2026 gần 111,4 nghìn tỷ đồng, tăng 29% YoY. DMX đạt 75,2 nghìn tỷ đồng (+29%), với các chuỗi Thế Giới Di Động, Điện Máy Xanh và TopZone tăng trưởng 2 chữ số; riêng TopZone tăng 48% doanh thu Apple. Bách Hóa Xanh đạt 33,9 nghìn tỷ đồng (+28%), mở thêm 819 cửa hàng và điểm bán mới đã có lợi nhuận cấp cửa hàng. EraBlue Indonesia tăng doanh thu 89%, nhờ mở 102 cửa hàng và tăng trưởng like-for-like 15%. An Khang tăng 22%, hướng tới có lãi cả năm. Tăng trưởng của DMX chậm lại trong tháng 7 nhưng vẫn là tốc độ tăng trưởng cao. Trong khi BHX tích cực mở rộng, riêng tháng 7 đã mở 187 cửa hàng, cải thiện về tốc độ mở cửa hàng và tăng trưởng doanh thu.

CTG: Vietinbank tổ chức cuộc họp nhà đầu tư Quý 2. Cập nhật đến 31/7/2026: tổng tài sản +7%, dư nợ tín dụng +5,6% so với đầu năm; CASA bình quân khoảng 440.000 tỷ đồng, +10% YoY, trong khi CASA cuối kỳ giảm nhẹ so với cuối 2025. NIM 6T2026 đạt 2,86%, tăng 0,31 điểm % YoY và cao hơn 2,66% năm 2025. Tín dụng cải thiện so với mức tăng 5% vào cuối Q2. Cuối Q2, tín dụng tăng 5% YTD, thấp hơn mức gần 8% toàn ngành do ngân hàng chủ động cân đối với nguồn vốn. H2/2026, CTG ưu tiên xây lắp-hạ tầng, năng lượng tái tạo, BĐS KCN, xuất nhập khẩu và tín dụng xanh. Thanh khoản được kỳ vọng cải thiện từ cuối Q3–Q4/2026; ngân hàng không chạy đua lãi suất huy động và ưu tiên bảo vệ NIM. Nợ xấu tăng nhẹ nhưng trong kiểm soát. Thu hồi nợ đã xử lý 6T đạt 4.400 tỷ (+10,7%), gần 50% kế hoạch năm; chi phí dự phòng 13.001 tỷ (+17,3%), tương đương 76,5% kế hoạch 17.000 tỷ.

HDB: HDBank ghi nhận tín dụng 6T2026 tăng 18,9%, bán lẻ tăng 20,7%; tiền gửi tăng 20,6%, đưa LDR xuống khoảng 72%, tạo dư địa đạt mục tiêu tín dụng +35% cả năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 13.202 tỷ đồng (+31,1%), hoàn thành 43,9% kế hoạch 30.100 tỷ đồng. NIM 6T đạt 4,1%, giảm từ 4,8% năm 2025 do chi phí vốn tăng 109 điểm cơ bản lên 6,14%, trong khi lợi suất tài sản giảm 47 điểm cơ bản. HDBank kỳ vọng NIM cả năm đạt 4,5%, nhờ chuyển dịch sang bán lẻ, tài trợ chuỗi giá trị, nâng LDR và đóng góp từ HD Saison. Thanh khoản được củng cố nhờ khoản vay hợp vốn 721 triệu USD và 100 triệu USD trái phiếu xanh. Tổng tài sản vượt 1 triệu tỷ đồng (+12,3% YTD; +33% YoY).

VIC: Vingroup (VIC) dự kiến phát hành riêng lẻ tối đa 455 tỷ won, tương đương khoảng 8.050 tỷ đồng, ra thị trường quốc tế trong Q3–Q4/2026. Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm, lãi suất cố định tối đa 8%/năm, có tài sản bảo đảm, không chuyển đổi và không kèm chứng quyền; là nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Vingroup. Trái phiếu hướng tới nhà đầu tư chứng khoán tại Hàn Quốc, không chào bán hoặc niêm yết tại Việt Nam. Lãi suất chính thức sẽ được xác định theo điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành. Việc phát hành còn phụ thuộc vào điều kiện thị trường và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 01+02+03.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
CTG	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
KBC	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
GMD	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
VPB	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
DBC	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
MBB	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					0.43%		-4,37%

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
CTG	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
KBC	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
HCM	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
VPB	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
DBC	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
MBB	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					-10,61%		-5,10%

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
CTG	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
STB	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
HCM	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
VPB	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
VCB	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
MBB	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 – 07/04					3,58%		-7,66%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 04+05+06.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/04/2026	78.000	07/05/2026	86.000	10,26%	79.800–88.500	-5,13%
CTG	07/04/2026	33.700	07/05/2026	35.800	6,23%	34.300–36.800	-5,04%
GMD	07/04/2026	71.900	07/05/2026	79.500	10,57%	71.000–80.600	-6,12%
MSN	07/04/2026	75.100	07/05/2026	81.000	7,86%	76.100–82.500	-6,13%
VPB	07/04/2026	26.050	07/05/2026	28.150	8,06%	26.500–28.500	-6,72%
KDH	07/04/2026	25.000	07/05/2026	24.200	-3,20%	24.000–26.950	-6,00%
MBB	07/04/2026	25.600	07/05/2026	26.100	1,95%	25.750–27.100	-4,30%
VNINDEX	07/04/2026	1.677,54	07/05/2026	1.909,01	13,80%	1.706,59–1.924,95	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 – 07/05					5,96%		-5,63%

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 (*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/05/2026	86.000	05/06/2026	78.000	-9,30%	74.200-85.900	-5,13%
CTG	07/05/2026	35.800	05/06/2026	33.900	-5,31%	33.700-36.800	-5,04%
DGW*	07/05/2026	44.200	05/06/2026	39.900	-7,58%	39.100-43.000	-6,12%
VGC	07/05/2026	43.850	05/06/2026	41.500	-5,36%	41.500-45.600	-6,13%
VPB*	07/05/2026	28.150	05/06/2026	26.450	-4,35%	25.650-28.250	-6,72%
KDH	07/05/2026	24.200	05/06/2026	22.900	-5,37%	21.600-24.400	-6,00%
MBB	07/05/2026	26.100	05/06/2026	25.000	-4,21%	24.500-26.550	-4,30%
VNINDEX	07/05/2026	1.909	05/06/2026	1.838,9	-3,67%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 – 05/06					-5,93%		-5,27%

Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	05/06/2026	78.000	08/07/2026	78.800	1,03%	75.000-81.400	-5,77%
CTG	05/06/2026	33.900	08/07/2026	34.500	1,77%	33.250-34.750	-4,13%
DGW	05/06/2026	39.900	08/07/2026	39.450	-1,13%	37.450-42.000	-6,02%
SSI	05/06/2026	27.000	08/07/2026	27.200	0,74%	26.150-28.000	-5,56%
VPB	05/06/2026	26.450	08/07/2026	27.750	4,91%	25.600-28.100	-4,73%
GMD	05/06/2026	76.200	08/07/2026	77.400	1,57%	72.400-80.000	-5,51%
MBB	05/06/2026	25.000	08/07/2026	26.000	4,00%	24.550-26.150	-4,00%
VNINDEX	05/06/2026	1.838,9	08/07/2026	1.853,7	0,80%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/06 – 08/07					1,84%		-5,27%

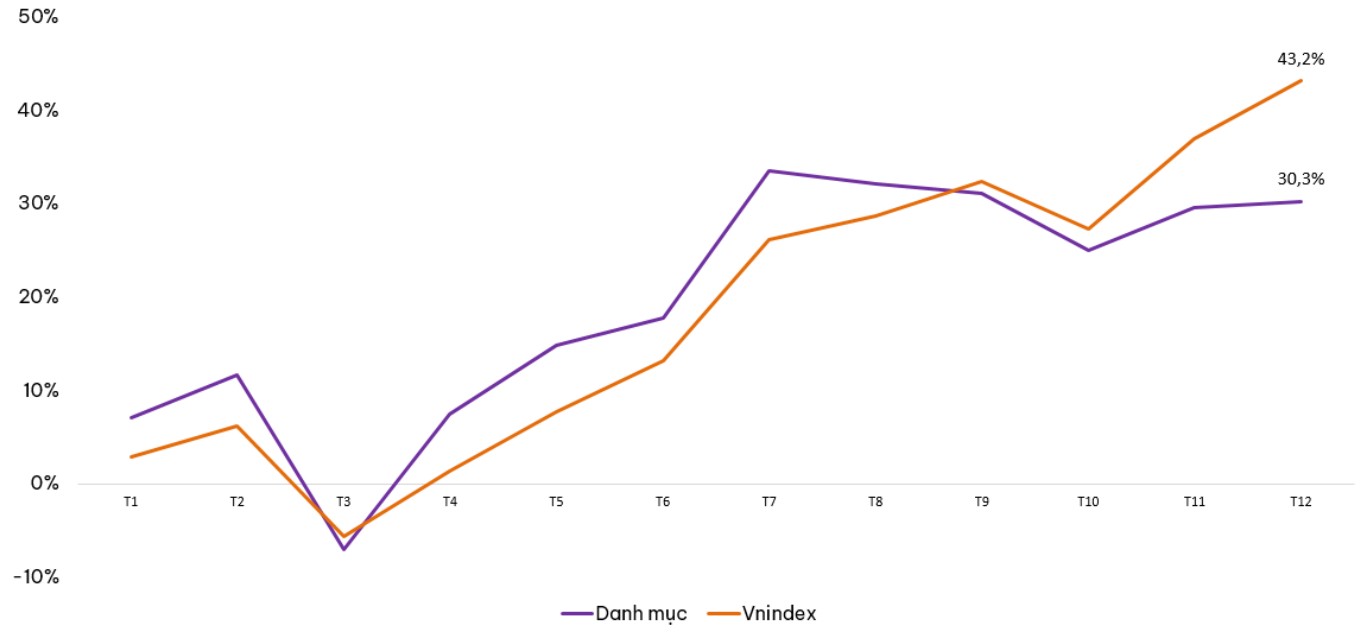
HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 07.2026

[Danh sách khuyến nghị tháng 07.2026](#) (*) MWG, CTG, MBB cổ tức tiền mặt lần lượt 1.000đ/cp, 450đ/cp, 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã loại 5% thuế; PVD cổ tức cổ phiếu 100:66,9.

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG*	08/07/2026	78.800	10/08/2026	73.000	-6,15%	61.540-77.700	-4,82%
CTG*	08/07/2026	34.500	10/08/2026	32.800	-3,69%	28.400-34.000	-4,35%
PHR	08/07/2026	63.800	10/08/2026	59.800	-6,27%	54.400-65.000	-5,17%
SSI	08/07/2026	27.200	10/08/2026	25.100	-7,72%	21.700-27.250	-4,41%
VPB	08/07/2026	27.750	10/08/2026	25.850	-6,85%	23.950-27.700	-4,50%
GMD	08/07/2026	77.400	10/08/2026	78.200	1,03%	67.000-82.000	-4,01%
MBB*	08/07/2026	26.000	10/08/2026	24.250	-3,08%	21.350-25.000	-3,08%
PVD*	08/07/2026	32.550	10/08/2026	18.250	-6,42%	17.350-20.700	-4,76%
VNINDEX	08/07/2026	1.853,7	10/08/2026	1.776,8	-4.15%		
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/07 - 10/08					-4,89%		-4,39%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)

Hiệu suất Danh mục & Vnindex



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt sổ tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

[Danh sách khuyến nghị tháng 1 \(13/01\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 2 \(07/02\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 3 \(07/03\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 4 \(09/04\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 5 \(07/05\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 6 \(06/06\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 7 \(07/07\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 8 \(08/08\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 9 \(08/09\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 10 \(07/10\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 11 \(07/11\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 12 \(08/12\)](#)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.